

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-PT
Ngày 06-3-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền với đất và yêu cầu
hủy một phần giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;
Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLPT-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử phúc thẩm số 25/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bé Văn Ch, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn Khẩu N, xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Tài H - Luật sư Văn phòng Luật sư Nghĩa H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; cư trú tại: Số nhà 30D, ngõ 92, đường Lê Đại H, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bị đơn: Bà Vi Thị P, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn Khẩu N, xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

Người được bị đơn ủy quyền: Ông Bé Văn Th, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn Khẩu N, xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị H, (tên gọi khác Lê Thị H), sinh năm 1979; có mặt;

2. Anh Bé Văn Th, sinh năm 1990; có mặt;

3. Anh Bé Văn S, sinh năm 1992; có mặt;
 4. Anh Bé Văn L, sinh năm 1993; có mặt;
 5. Chị Vương Thị B, sinh năm 1990; có mặt.
- Cùng cư trú tại: Thôn Khẩu N, xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.
6. Chị Bé Thị H, sinh năm 1998; cư trú tại: Thôn Còn T, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
 7. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.
- Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ:* Ông Nguyễn Chiến H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ theo Văn bản ủy quyền số 116a/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; có mặt.
- Người làm chứng:*
1. Ông Bé Văn H; có mặt;
 2. Ông Hoàng Văn T; có mặt;
 3. Ông Bé Văn Ph; có mặt.
- Cùng cư trú tại: Thôn Khẩu N, xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.
- Người kháng cáo:* Ông Bé Văn Ch là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Bé Văn Ch, trình bày: Gia đình ông Bé Văn Ch được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giao hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (gọi là sổ bìa xanh), theo Quyết định số 146/UB-QĐ ngày 27/9/1999, diện tích 11 ha, gia đình ông đã trồng cây Thông trên diện tích được cấp. Năm 2005 UBND huyện Đ tổ chức kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) và được chuyển từ sổ bìa xanh sang GCNQSDĐ, diện tích 06 ha.

Năm 2011 UBND huyện Đ, tiếp tục tổ chức kê khai, cấp đổi lại GCNQSDĐ, gia đình ông Bé Văn Ch đã đi kê khai và được cấp đổi từ bìa đỏ sang sổ bìa hồng diện tích 06 ha và được cấp thêm 01 sổ bìa hồng mới, diện tích là 05ha. Khi nhận 02 sổ bìa hồng được một thời gian, năm 2014 gia đình ông Bé Văn Ch phát hiện thửa đất số 76, tờ bản đồ địa chính số 03 của gia đình ông Bé Văn Ch đã bị thiếu hụt gần 01 ha và diện tích đất này đã được cấp vào thửa đất số 99, tờ bản đồ số 03 cho gia đình bà Vi Thị P là người cùng thôn. Biết được sự việc ông Bé Văn Ch đã làm đơn đề nghị UBND xã Bính X, huyện Đ và các phòng, ban chuyên môn của huyện Đình Lập xem xét giải quyết nhưng không thành. Do ông Bé Văn Ch không nhất trí với kết quả giải quyết của UBND xã Bính X, huyện Đ nên làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Quá trình thụ lý, giải quyết tại cấp sơ thẩm, ngày 23/10/2019 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và xác định đất tranh chấp do ông Bé Văn Ch chỉ trên thực địa có diện tích 33.747m², (3,3ha). Do đó, ông Bé Văn Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ gia đình bà Vi Thị P trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp 33.747m² và yêu cầu được sở hữu 1.200 cây thông trồng năm 1999 trên đất tranh chấp; yêu

cầu hủy một phần GCNQSDĐ của thửa số 99, tờ bản đồ số 03 được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Vi Thị P.

Theo bị đơn bà Vi Thị P và người đại diện theo ủy quyền anh Bé Văn Th, trình bày: Năm 1994 UBND huyện Đ giao Quyết định số 84/UB-QĐ về việc cấp hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng (gọi là sổ bìa xanh) cho gia đình anh Bé Văn Th, người đứng tên ông Bé Văn Đ (bố đẻ anh Bé Văn Th), diện tích là 26 ha; địa danh: Đồi Co P, thuộc thôn Khẩu N, xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Từ khi được giao đất năm 1994 đến 2005, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình chưa có điều kiện để trồng rừng, nhưng trên đất vẫn có cây Thông to do tự mọc, gia đình anh vẫn quản lý, sử dụng và khai thác nhựa thông.

Đến năm 2006, thôn Khẩu N, xã Bính X tiến hành họp thôn và thống nhất khai thác số cây Thông to do tự mọc của các hộ gia đình đã được cấp sổ bìa xanh để lấy tiền về kéo điện cho thôn Khẩu N, trong đó có số cây Thông trên đất của gia đình anh Bé Văn Th. Năm 2006, sau khi thôn khai thác hết số cây Thông to, gia đình anh Bé Văn Th tiến hành trồng cây Thông trên đất và quản lý những cây thông non chưa đủ tuổi khai thác còn lại. Năm 2013 gia đình anh tiến hành khai thác nhựa những cây Thông đã trưởng thành. Năm 2014 ông Bé Văn Ch đến tranh chấp với gia đình anh Bé Văn Th, sau đó đã được chính quyền giải quyết nhưng không thỏa thuận được. Hiện nay, ông Bé Văn Ch khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và sở hữu các cây trồng trên đất và hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình anh Bé Văn Th, anh Bé Văn Th không đồng ý, yêu cầu tiếp tục được quản lý, sử dụng và sở hữu các cây Thông trồng trên đất; buộc gia đình ông Bé Văn Ch phải chấm dứt tranh chấp với gia đình anh.

Tại Bản án số 04/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26; các Điều 34, 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 115; 164; khoản 5 Điều 221 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các Điều 2; 40 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991. Các Điều 3; 20; 73; khoản 3 Điều 76 Luật Đất đai năm 1993. Khoản 5 Điều 166; các Điều 100; 202; 203 Luật Đất đai 2013.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; Điều 150; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 24; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bé Văn Ch đòi trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp là: 33.747m² nằm trong các thửa đất số 122 và 99 Bản đồ đất lâm nghiệp số 03 xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, (có sơ đồ kèm theo).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bé Văn Ch đòi sở hữu 1.200 cây thông trên đất tranh chấp.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bé Văn Ch đòi hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Vi Thị P.

2. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn bà Vi Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bé Văn Th, anh Bé Văn L, anh Bé Văn S, chị Vương Thị B. Hộ gia đình bà Vi Thị P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 33.747m² nằm trong các thửa đất số 122 và 99 Bản đồ đất lâm nghiệp số 03 xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, được quyền sở hữu 1.200 cây thông trên đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định: Ngày tháng 27/11/2019 ông Bé Văn Ch nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Bé Văn Ch, tạm giao 33.747m² đất trồng rừng và tài sản trên đất thuộc một phần thửa đất số 99 và 122, tờ bản đồ địa chính số 03 xã Bính Xá cho gia đình ông Bé Văn Ch được quản lý, sử dụng; buộc bà Vi Thị P chấm dứt hành vi xâm chiếm, tranh chấp đất đai, tài sản của gia đình ông; về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản đề nghị Tòa án buộc bà Vi Thị P phải chi trả cho ông Bé Văn Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bé Văn Ch và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bé Văn Ch giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kháng cáo của ông Bé Văn Ch lập trong thời gian luật định nên kháng cáo hợp lệ. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa thấy cấp sơ thẩm có một số vi phạm chưa thu thập tài liệu, chứng từ gốc của sổ bìa xanh do bà Vi Thị P cung cấp, thiếu trang 11, 14, đồng thời đất tranh chấp có biến động qua các thời kỳ kê khai cấp GCNQSDĐ và đo đạc bản đồ, chưa thu thập đủ tài liệu, sổ mục kê, bản đồ các thời kỳ để xác định vị trí đất tranh chấp để xác định vị trí đất tranh chấp có cùng vị trí đất bà Vi Thị P được giao năm 1994 hay không, có trùng vị trí thửa đất 140 gia đình bà Vi Thị P được cấp GCNQSDĐ năm 2005 hay không là chưa đảm bảo. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm đại diện UBND huyện Đ cung cấp tài liệu thể hiện đất tranh chấp thuộc lô 422 và thửa 140 của gia đình bà Vi Thị P, do đó kháng cáo của ông Bé Văn Ch yêu cầu được quản lý đất và cây trên đất là không có cơ sở để chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông Bé Văn Ch không được chấp nhận nên ông Bé Văn Ch phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, ông Bé Văn Ch kháng cáo về chi phí tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn có một số vi phạm khác giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, mâu thuẫn mục 1 phần quyết định. Về

án phí ông Bé Văn Ch là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí cấp sơ thẩm không giải thích cho ông Bé Văn Ch và buộc ông Bé Văn Ch phải chịu án phí sơ thẩm là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bé Văn Ch có đơn xin miễn toàn bộ án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông Bé Văn Ch.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của ông Bé Văn Ch, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí và lời tuyên cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Bé Văn Ch nộp trong nộp ngày 27/11/2019 trong thời hạn luật quy định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Bé Văn Ch kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Bé Văn Ch tạm giao 33.747m² đất trồng rừng và tài sản trên đất thuộc một phần thửa đất số 99 và 122 tờ bản đồ địa chính số 03 xã Bính X cho gia đình ông Bé Văn Ch được quản lý sử dụng; buộc bà Vi Thị P chấm dứt hành vi xâm chiếm, tranh chấp đất đai, tài sản của gia đình ông; về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản đề nghị Tòa án buộc bà Vi Thị P phải chi trả cho ông Bé Văn Ch.

[3] Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/10/2019 xác định đất tranh chấp có diện tích 33.747m² (trong có diện tích có cây thông là 23.680m², trên đất có 1.200 cây thông hiện gia đình bà Vi Thị P đang quản lý và khai thác nhựa thông; phần diện tích đất không có cây thông là 10,067m²). Đất tranh chấp có địa danh: Đồi Co P, thôn Khẩu N, xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Phần diện tích đất có cây thông nằm trong 02 thửa là thửa số 122, diện tích 20.742m², thửa số 99, diện tích 2.938m²; phần diện tích đất không có cây thông, hiện trạng chỉ có bụi cây lùm, bụi lá diện tích 10.067m², tờ bản đồ số 3, bản đồ đất lâm nghiệp xã Bính X. Theo các tài liệu có trong hồ sơ do UBND huyện Đ và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai của huyện Đ cung cấp thể hiện cả 02 phần diện tích đất này đều thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 3, đã được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình bà Vi Thị P. Phần diện tích đất tích đất 2.938m², thuộc thửa 99, tờ bản đồ số 3 chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng theo hồ sơ giao quyền quản lý rừng và đất trồng rừng năm 1994 thể hiện đã giao cho hộ ông Bé Văn Đ (chồng bà Vi Thị P), thuộc lô số 422, diện tích 26 ha. Mặt khác, tại Công văn số 1186/UBND-TNMT ngày 07/11/2019 của UBND huyện Đình Lập có ý kiến, quan điểm: Sau khi kiểm tra, xem xét hồ sơ và đối chiếu kết quả xem xét thẩm định ngày 23/10/2019, khu đất tranh chấp thuộc thửa số 99 và 122, tờ bản đồ số 03, tổng diện tích đất tranh chấp là 33.747 m² chia làm hai phần: Phần thuộc thửa số 122, diện tích là 30.809 m²; phần thuộc thửa số 99 diện tích là 2.938 m². Cả hai phần diện tích đều được giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994; đất thuộc lô số 422, diện tích 26 ha cho hộ ông Bé Văn Đ (chồng bà Vi Thị P). Phần thuộc thửa số 122, tờ bản đồ số 03 đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Vi Thị P năm 2005;

thời điểm cấp theo bản đồ giao đất lâm nghiệp là lô số 140 và một phần thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 03 chưa cấp GCNQSDĐ, việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Vi Thị P là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng theo quy định. Do vậy, ông Bé Văn Ch yêu cầu hủy giấy chứng nhận của bà Vi Thị P là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: Việc ông Bé Văn Ch kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 33.747m²; yêu sở hữu 1.200 cây Thông trồng trên đất tranh chấp và yêu cầu hủy một phần GCNQSDĐ đã cấp cho hộ bà Vi Thị P là không có cơ sở để chấp nhận. Cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bé Văn Ch là đúng. Tuy nhiên, về phần lời tuyên của bản án có phần chưa phù hợp nên cấp phúc thẩm sửa về phần lời tuyên cho phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Ch không chấp nhận, cấp sơ thẩm buộc ông Bé Văn Ch phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 7.089.000 đồng (bảy triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng) là đúng; xác nhận ông Bé Văn Ch đã nộp đủ số tiền.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bé Văn Ch nộp đơn xin được miễn toàn bộ án phí; xét thấy: Ông Bé Văn Ch là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có đặc điểm tình hình kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định của pháp luật ông Bé Văn Ch được miễn toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông Bé Văn Ch.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên án ông Bé Văn Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả ông Bé Văn Ch số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/04259 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bé Văn Ch; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn về phần lời tuyên và án phí sơ thẩm; cụ thể:

Áp dụng khoản 2, 9 Điều 26; 34; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 150, khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158, khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166; 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 115; 164; 221 của Bộ luật dân

sự. Các Điều 2; 40 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991. Các Điều 100, 202; 203 Luật đất đai 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Quyền sử dụng đất: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bé Văn Ch về việc đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 33.747m², thuộc các thửa số 122 và 99, tờ bản đồ số 03, bản đồ đất lâm nghiệp xã Bính X, huyện Đ và đòi quyền sở hữu 1.200 cây Thông trồng trên đất tranh chấp; địa danh: Đồi Co P, thôn Khẩu N, xã Bính X, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB500354 ngày 18/11/2005 cho hộ bà Vi Thị P và không chấp nhận yêu cầu của ông Bé Văn Ch đòi hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 33.747m² đã cấp cho hộ bà Vi Thị P. (có sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo).

2. Buộc ông Bé Văn Ch và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu đòi quyền sở hữu 1.200 cây thông trồng trên đất tranh chấp của hộ gia đình bà Vi Thị P.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Bé Văn Ch phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 7.098.000 đồng (bảy triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng); xác nhận ông Bé Văn Ch đã nộp đủ số tiền.

4. Về án phí dân sự: Ông Bé Văn Ch được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm; hoàn trả lại ông Bé Văn Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2011/01535 ngày 16/7/2019 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2012/04259 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đ, Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; TDS; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm

CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tuệ

Lộc Sơn Thái

Hồ Đức Châm

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; TDS; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm Phạm Văn Tuệ

Chu Long Kiêm